

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671004-801 - H ấ a h c L ấ c ng H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3471010005	34CCD6	Lê Minh	An	01/04/1992				10.0			10.0	3.0	8.3	5.8	8.8	
2	3475010003	34CXD1	Lý Xuân	An	19/12/1990				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3571010078	35CCĐ3	Nguy n Tu n	Anh	26/03/1993				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
4	3475010001	34CXD6	Hồ ấ L ng	Ấn	26/10/1991				7.0			7.0	2.1	7.3	5.1	7.2	
5	3471010022	34CCD4	Tr n Tĩ n	B o	15/10/1992				8.5			8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
6	3575031620	35CNVL1	Lê Công	B ấ u	07/09/1992				10.0			10.0	3.0	9.5	6.7	9.7	
7	3574011685	35COT2	Ph m V ấ	B c	17/04/1993				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
8	3574010137	35COT1	Tr n Ph ng	B c	10/06/1991				10.0			10.0	3.0	3.5	2.5	5.5	
9	3571010545	35CCĐ4	Tr n ấ nh	Bé	05/06/1993				10.0			10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	
10	3571010191	35CCĐ4	ấ inh Xu ấ n	C nh	07/05/1991				10.0			10.0	3.0	6.3	4.4	7.4	
11	3575010613	35CXD4	Phùng Minh	C nh	06/05/1992				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
12	3575010825	35CXD1	Nguy n Qu c	C ng	11/04/1993				2.0			2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
13	3571011831	35CCĐ4	L U QUANG	CH NH	30/09/1982				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	3574011145	35COT1	Nguy n Thanh	Danh	02/01/1993				9.5			9.5	2.9	5.5	3.9	6.7	
15	3575030667	35CNVL1	Nguy n Nh t	Di	02/12/1992				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
16	3471010068	34CCD3	Nguy n V ấ	Duy	16/08/1992				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
17	3571010932	35CCĐ5	H Tĩ n	Đ ấ g	24/10/1993				10.0			10.0	3.0	6.3	4.4	7.4	
18	3575031520	35CNVL1	Lê Anh	Đ ấ g	18/03/1993				10.0			10.0	3.0	4.8	3.4	6.4	
19	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh	ấ m	01/04/1993				10.0			10.0	3.0	5.0	3.5	6.5	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671004-801 - H ấ a h c L ấ c ng H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010709	35CLC1-CĐ	Phan Thanh ấ c	26/09/1993				1.5			1.5	0.5	6.0	4.2	4.7	
21	3575010603	35CXD5	H C ấ ng ấ c	28/09/1993				10.0			10.0	3.0	7.8	5.5	8.5	
22	3571011468	35CCĐ7	Ph m V ấ H ầ	20/12/1993				10.0			10.0	3.0	3.0	2.1	5.1	
23	3575010435	35CXD4	Phan T n H i n	17/06/1993				6.5			6.5	2.0	8.5	6.0	7.9	
24	3474010020	34COT2	Nguy n Th H i n	03/09/1992				4.5			4.5	1.4	4.5	3.2	4.5	THI CHUNG (2)
25	3575011403	35CXD6	Ho ầ ng Trung H i u	06/09/1993				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
26	3571010199	35CCĐ4	V ồ Minh H i u	20/08/1992				2.5			2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
27	3571011762	35CCĐ7	H ầ Anh Ho ầ ng	01/01/1993				9.5			9.5	2.9	2.8	2.0	4.8	
28	3574011098	35COT1	Hu nh V ấ H ầ ng	22/03/1993				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
29	3471010124	34CCD3	Phan Minh Ho t	04/03/1992				2.0			2.0	0.6	4.8	3.4	4.0	
30	3571011514	35CCĐ7	Nguy n ấ nh H ồ a	06/01/1993				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
31	3471010144	34CCD6	Lê Huy H ầ ng	04/04/1991				8.5			8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
32	3571010651	35CCĐ1	Nguy n H ng	25/05/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
33	3571011206	35CCĐ5	Tri u V ấ H u	25/03/1992				10.0			10.0	3.0	6.0	4.2	7.2	
34	3574011065	35COT1	Lê Thành K ính	21/03/1993				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
35	3475010113	34CXD2	Nguy n M u Duy Kh i	03/03/1992				10.0			10.0	3.0	4.8	3.4	6.4	
36	3575010570	35CXD5	Nguy n ấ nh Khoa	04/07/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
37	3571011785	35CCĐ4	Cao Minh Lam	10/03/1992				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671004-801 - H ấ a h c L ầ c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ầ Y SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
38	3574011089	35COT1	L ầ Nguy n D ầ ng L ầ nh	17/03/1993				10.0			10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
39	3575011147	35CXD5	L ầ Tr ầ ng L ầ nh	26/09/1993				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
40	3474010032	34COT1	Nguy n Tr n Nh t L ầ nh	20/11/1990				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
41	3575031819	35CNVL1	Nguy n T ầ n L ầ ch	01/06/1992				10.0			10.0	3.0	7.0	4.9	7.9	
42	3575010970	35CXD5	Nguy n Th ầ nh L ầ nh	03/06/1993				4.5			4.5	1.4	4.8	3.4	4.7	
43	3575011331	35CXD6	Nguy n M ầ nh L ầ y n	15/05/1993				3.0			3.0	0.9	4.8	3.4	4.3	
44	3575010600	35CXD5	B ầ i Th H ầ nh M ầ nh	09/06/1992				3.0			3.0	0.9	6.8	4.8	5.7	
45	3575030033	35CNVL1	ấ Quang M ầ nh	15/05/1993				9.5			9.5	2.9	5.5	3.9	6.7	
46	3575011291	35CXD2	Ung V ầ nh	01/01/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
47	3571010194	35CCĐ4	L ầ ấ i Ng ầ	10/10/1993				10.0			10.0	3.0	6.3	4.4	7.4	
48	3574011125	35COT1	H Tr ầ ng Ngh ầ	01/12/1993				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
49	3475010165	34CXD1	Nguy n Tr ầ ng Ngh ầ	09/11/1992				10.0			10.0	3.0	6.3	4.4	7.4	
50	3474010043	34COT2	L ầ Xu ầ n Ng c	14/08/1991				10.0			10.0	3.0	6.3	4.4	7.4	
51	3575030308	35CNVL1	ấ nh Thi n Nh ầ nh	11/11/1991				10.0			10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
52	3571010575	35CLC1-CĐ	Ng ầ Tr ầ ng Nh ầ nh	02/08/1993				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
53	3574011457	35COT1	Tr n Thi n Nh ầ nh	12/07/1992				10.0			10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	
54	3574011083	35COT1	ấ ầ Thanh Phong	11/04/1993				10.0			10.0	3.0	6.8	4.8	7.8	
55	3571011613	35CCĐ5	L ầ Thanh Phong	01/01/1993				10.0			10.0	3.0	6.5	4.6	7.6	
56	3574011413	35COT1	Nguy n T n Phong	17/08/1993				10.0			10.0	3.0	5.0	3.5	6.5	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671004-801 - H ấ a h c L ấ c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
57	3571011026	35CCĐ5	Nguy n Thanh	Phong	06/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
58	3475010200	34CXD2	Tr n H u	Phúc	22/06/1990				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
59	3571010736	35CLC1-CĐ	Tr ng L u	Quang	27/08/1993				4.5			4.5	1.4	3.0	2.1	3.5	
60	3571010028	35CCĐ3	Tr n Xu ấ n	S n	22/02/1993				10.0			10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
61	3571011207	35CCĐ5	Nguy n Th	Tài	30/08/1993				10.0			10.0	3.0	4.5	3.2	6.2	
62	3574010262	35COT2	Nguy n An	Toàn	20/07/1993				10.0			10.0	3.0	6.8	4.8	7.8	
63	3575031585	35CNVL1	Ph m Minh	Toàn	12/01/1993				10.0			10.0	3.0	4.8	3.4	6.4	
64	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang	Tu n	21/02/1993				9.5			9.5	2.9	4.8	3.4	6.2	
65	3575010348	35CXD4	L ng ấ nh	Tùng	18/02/1992				8.5			8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
66	3575010470	35CXD4	V ấ Ng c	Th ng	02/04/1993				3.5			3.5	1.1	3.0	2.1	3.2	
67	3575011154	35CLC1-DD	Mai V ấ	Th nh	20/10/1993				10.0			10.0	3.0	9.0	6.3	9.3	
68	3471010320	34CCD3	Ph m V ấ	Thích	03/04/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
69	3575030646	35CNVL1	Hà Minh	Thông	27/04/1993				10.0			10.0	3.0	5.8	4.1	7.1	
70	3575010055	35CXD2	Vồ Anh	Thu n	27/08/1993				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
71	3575010456	35CXD4	Tr n Qu c	Trung	29/04/1993				8.5			8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
72	3471010399	34CCD7	V ng Quang	Vinh	23/01/1992				10.0			10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
73	3575010857	35CXD2	Nguy n Anh	V ồ	31/05/1993				10.0			10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	

T ñg s : 73 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa